

Số: 171 /KH-UBND

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2026 - 2030” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2026 - 2030” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- a) Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
- b) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia trợ giúp xã hội, đồng thời tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự đảm bảo an sinh, không ngừng cải thiện, nâng cao tinh thần, vật chất, đảm bảo công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật.

2. Yêu cầu

- a) Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội phải thực hiện đa dạng về mô hình, toàn diện cả vật chất và tinh thần, phù hợp với vòng đời phát triển con người, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, đảm bảo người dân gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; từng bước phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội trên phạm vi toàn tỉnh.
- b) Việc thực hiện Kế hoạch phải phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động, cân đối nguồn lực của tỉnh, ưu tiên người có hoàn cảnh đặc biệt, người nghèo, người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn.
- c) Đảm bảo người dân gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước, các tổ chức và cộng đồng.

II. MỤC TIÊU

1. 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng diện đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội; điều chỉnh mức trợ cấp xã hội phù hợp với khả năng ngân sách tỉnh.

2. 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của người dân trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong chỉ đạo, huy động nguồn lực và thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giúp đỡ đối tượng trợ giúp xã hội; quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội; các biện pháp, giải pháp, mô hình trợ giúp xã hội hiệu quả và gương điển hình tiên tiến trong công tác trợ giúp xã hội.

b) Đa dạng hóa hình thức truyền thông (trực tiếp, gián tiếp, qua hệ thống thông tin cơ sở, báo, đài, truyền hình, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, phóng sự, pano, áp phích, tờ rơi...); đổi mới nội dung truyền thông theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận.

c) Thiết lập các kênh thông tin đa chiều để tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người dân về các vấn đề có liên quan đến luật pháp, chính sách và việc tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

3. Thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội

a) Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội với phương châm công khai, minh bạch, đúng, đủ, kịp thời. Phần đầu đạt được sự đồng thuận, mức độ hài lòng ngày càng cao của đối tượng.

b) Nghiên cứu, đề xuất một số chính sách đặc thù của tỉnh về trợ cấp xã hội theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng, tăng mức chuẩn trợ cấp phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động nguồn lực trong từng thời kỳ.

c) Nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành một số định mức của địa phương để trợ giúp khẩn cấp theo hướng dựa trên mức độ thiệt hại, mức độ tổn thương, hoàn cảnh cụ thể và khả năng khắc phục rủi ro của cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, dịch bệnh, tác động của biến đổi khí hậu, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân của bạo lực gia đình, phụ nữ và trẻ em bị mua bán.

d) Xây dựng một số cơ chế chính sách của tỉnh để kịp thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép

trợ giúp khẩn cấp với các chương trình, kế hoạch liên quan (xây dựng nông thôn mới, việc làm, giảm nghèo bền vững...).

4. Xây dựng mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội

a) Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược, quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

b) Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập để có đủ điều kiện trợ giúp toàn diện cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phát huy năng lực, hiệu quả của các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

c) Khuyến khích, tạo điều kiện thành lập và hoạt động đối với các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.

d) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, hình thức quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động nguồn lực trợ giúp xã hội để phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

5. Công tác quản lý, thực hiện trợ giúp xã hội

a) Đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Sở Y tế và Ủy ban nhân dân xã, phường đối với công tác bảo trợ, trợ giúp xã hội.

b) Tăng cường công tác cải cách hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội dựa vào nhu cầu của người dân bảo đảm công khai, minh bạch.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng trợ giúp xã hội và chi trả trợ cấp, trợ giúp xã hội, bảo đảm tích hợp các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội khác trên cơ sở sử dụng số và thẻ an sinh xã hội điện tử. Nâng cao hiệu quả quản lý và hạn chế sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

d) Tổ chức công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên và gia đình về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, trợ giúp xã hội cho đối tượng; nâng cao năng lực cán bộ quản lý về trợ giúp xã hội và công tác xã hội.

đ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể và nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác trợ giúp xã hội.

e) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, biểu dương khen thưởng các tập thể và cá nhân làm tốt công tác trợ giúp xã hội, từ đó nhân rộng các mô hình tốt, gương người tốt, việc tốt.

6. Huy động, sử dụng nguồn lực trợ giúp xã hội

a) Ưu tiên cân đối, phân bổ ngân sách nhà nước đối với công tác trợ giúp xã hội căn cứ vào khả năng huy động của tỉnh, chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của các sở, ban, ngành và địa phương; đảm bảo để thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hiện hành.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí cho đối tượng sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và cơ sở ngoài công lập cung cấp theo khung giá và danh mục dịch vụ sự nghiệp công được pháp luật quy định.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khẩn cấp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành; lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án khác và huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ, chủ động cân đối, sử dụng dự toán được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện; đồng thời lồng ghép các hoạt động của đề án với các chương trình, đề án có liên quan của ngành, địa phương quản lý để thực hiện cho phù hợp và có hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện kế hoạch và điều phối các hoạt động.

b) Chỉ đạo các cơ sở bảo trợ xã hội triển khai thực hiện tốt trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, cơ quan liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho việc thực hiện Đề án; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí tăng cường công tác tuyên truyền về trợ giúp xã hội.

4. Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ tư vấn trợ giúp pháp lý cho đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội khi có nhu cầu.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các chính sách trợ giúp khẩn cấp cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu; lồng ghép các mục tiêu trợ giúp xã hội với các chương trình giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển sinh kế cho người dân có hoàn cảnh khó khăn.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội; hỗ trợ triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực trợ giúp xã hội.

7. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác bảo vệ đối tượng yếu thế, người cần trợ giúp khẩn cấp; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bạo lực gia đình, mua bán người, xâm hại trẻ em và các đối tượng cần được trợ giúp xã hội; phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự tại các cơ sở trợ giúp xã hội khi cần thiết.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên: Tăng cường thời lượng, chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chính sách trợ giúp xã hội; phản ánh các mô hình hiệu quả, gương người tốt, việc tốt trong công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội.

10. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ Kế hoạch của tỉnh và điều kiện, tình hình thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các hoạt động trợ giúp xã hội của địa phương theo quy định.

b) Tổ chức rà soát, cập nhật thường xuyên thông tin các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương để có giải pháp quản lý và hỗ trợ phù hợp.

c) Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch với các chương trình, đề án khác có liên quan trên địa bàn.

d) Chủ động bố trí ngân sách và tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Kế hoạch của địa phương; vận động các cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia trợ giúp các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương trên địa bàn quản lý.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương chủ động triển khai thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) kết quả thực hiện hằng năm trước ngày 15 tháng 12; báo cáo tổng kết vào năm 2030; phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các đơn vị triển khai, thực hiện./. *ngch*

Nơi nhận :

- Bộ Y tế;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Chuyên viên KGVX: Thanh;
- Lưu: VT, KGVX^{KH} *th*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
19/05/2026 10:39:19

Phạm Văn Nghiêm